

Số: 404/TTr-PNN&MT

Phong Thỏ, ngày 28 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thu hồi đất thực hiện dự án: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Hạng mục: Kè chỉnh trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Phong Thỏ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1290/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; số 637/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phong Thỏ;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Phong Thỏ về việc phê duyệt phương án dự án: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Hạng mục: Kè chỉnh trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng);

Phòng Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình trình UBND huyện ra Quyết định thu hồi 67.426,7 m² đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất giao thông; đất bằng chưa sử dụng; đất đồi núi chưa sử dụng của 02 tổ chức tại các xã Ma Li Pho, Huổi Luông, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai thực hiện dự án: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Hạng mục: Kè chỉnh trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Phòng Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Ngọc Phương

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Dự án: Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Hạng mục: Kè chỉnh trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng
(Kèm theo Tờ trình số 404/TTr-NN&MT ngày 28/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị: m²

	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất					Ghi chú
							Tổng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)	Đất đồi bằng chưa sử dụng (BCS)	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	
	XÃ HUỖI LUÔNG											
	UBND xã	Bản Pô Tô, Xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bản Na Sa Phìn, Xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	6	176	627,2	627,2	627,2				
1	Tổng xã Huổi Luông					627,2	627,2	627,2				
	XÃ Ma Li Pho											
	UBND xã	Bản Sơn Bình, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bản Pa Nặm Cùm, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	133	97	1.704,8	1.704,8			1.704,8		
	UBND xã			133	98	664,7	664,7			664,7		
	UBND xã			133	107	9.248,2	9.248,2			9.248,2		
	UBND xã			133	100	192,4	192,4			192,4		
	UBND xã			133	104	62,9	62,9			62,9		
	UBND xã			133	95	207,7	207,7			207,7		
	UBND xã			133	99	859,8	859,8			859,8		
	UBND xã			133	103	59,6	59,6			59,6		
	UBND xã			133	105	1.621,7	1.621,7			1.621,7		

	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất					Ghi chú
							Tổng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)	Đất đồi bằng chưa sử dụng (BCS)	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	
	UBND xã	Bản Sơn Bình, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bản Pa Nặm Cúm, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	133	106	545,9	545,9			545,9		
	UBND xã			132	74	29.250,2	29.250,2			29.250,2		
	UBND xã			132	77	716,7	716,7			716,7		
	UBND xã			133	101	1.693,2	1.693,2				1.693,2	
	UBND xã			133	96	3.620,6	3.620,6				3.620,6	
	UBND xã			133	102	9,7	9,7		9,7			
	UBND xã			133	108	13.651,6	13.651,6	13.651,6				
	UBND xã			132	75	2.291,7	2.291,7	2.291,7				
	UBND xã			132	76	398,2	398,2				398,2	
	Tổng xã Ma Li Pho					66.799,5	66.799,5	15.943,3	9,7	45.134,5	5.712,0	
Tổng cộng						67.426,7	67.426,7	16.570,5	9,7	45.134,5	5.712,0	